

Bản án số: 50/2022/HS-PT
Ngày: 20-6-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/TLPT-HS ngày 12-4-2022 đối với bị cáo Lê Văn C và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2022/HS-ST ngày 02-3-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Lê Văn C; Sinh ngày 07-7-1986, tại T; Nơi đăng ký thường trú: đường QL, Khóm 1, Phường 6, thành phố T, tỉnh T; Chỗ ở hiện nay: đường P, Khóm 4, Phường 3, thành phố T, tỉnh T. Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và bà Tô K; Vợ: Trần Thị T, sinh năm 1984 và có 02 người con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 15-7-2021 đến ngày 09-10-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. (có mặt)

2. Lý Kim K; Sinh ngày 23-7-1996, tại T; Nơi cư trú: đường P, Khóm 4, Phường 3, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý KT (đã chết) và bà Danh TN; Vợ: Lê Thị TA, sinh năm 1997 và có 02 người con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31 tháng 8 năm 2021 cho đến nay. (có mặt)

3. Huỳnh Ngọc T; Sinh ngày 20-12-2000, tại T; Nơi cư trú: Số 145/53, đường P, Khóm 4, Phường 3, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh NH và bà Nguyễn Thị AT; Vợ: Trần Thị AT1, sinh năm 1998 và có 01 người con, sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31 tháng 8 năm 2021 cho đến nay. (có mặt)

5. Trần Trung N; Sinh ngày 19-10-2000, tại T; Nơi cư trú: đường Đ, Khóm 4, Phường 2, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần VK và bà Tiêu Thị NG; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31 tháng 8 năm 2021 cho đến nay. (có mặt)

5. Trần Quang V; Sinh ngày 27-12-2002, tại T; Nơi cư trú: đường P, Khóm 4, Phường 3, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần VD (chết) và bà Tô Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31 tháng 8 năm 2021 cho đến nay. (có mặt)

- Bị hại có kháng cáo:

1. Ông Lê Huyền Th; Sinh năm 1990. Nơi ĐKTT: Ấp C, xã N, huyện T, tỉnh T. Chỗ ở hiện nay: Nhà không số, hẻm số 63 đường K, Khóm 4, Phường 8, thành phố T, tỉnh T. (có mặt)

2. Bà Lê Thị MN; Sinh năm 1987. Nơi ĐKTT: Ấp X, thị trấn L, huyện T, tỉnh T. Chỗ ở hiện nay: Nhà không số, hẻm số 63 đường K, Khóm 4, Phường 8, thành phố T, tỉnh T. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại Lê Huyền Th, Lê Thị MN: Ông Huỳnh HT là Luật sư của Văn phòng Luật sư KA chi nhánh T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Thạch H; Sinh ngày 01-01-2006. Nơi cư trú: đường P, Khóm 4, Phường 3, thành phố T, tỉnh T. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thạch H: Ông Thạch T. Nơi cư trú: đường P, Khóm 4, Phường 3, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Trần MT; Sinh năm 1988. Nơi cư trú: phòng số 14, đường K, Khóm 4, Phường 8, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

2. Ông Hồ HP; Sinh năm 1988. Nơi cư trú: Kênh 30/4, Khóm 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2021, Lê Thị MN và Phạm QK lên mạng Facebook cự cãi, chửi nhau, về việc mẹ của QK thiếu tiền của MN chưa trả và hẹn nhau ra Khu dân cư 586, đường D, phường 3, thành phố T để đánh nhau.

Sau khi đã hẹn xong với QK, thì MN và Lê Huyền Th là chồng MN chuẩn bị hung khí và đi ra chỗ hẹn với QK. Còn QK sau khi hẹn đánh nhau với MN, thì QK đã nói với Lê Văn C là cậu của QK và rủ thêm bạn của QK là Lý KK, Huỳnh Ngọc T, Trần Trung N, Trần Quang V, Thạch H, T, M (chưa rõ nhân thân và địa chỉ) và thêm 3 thanh niên khác (chưa rõ nhân thân và địa chỉ) đi đánh nhau với nhóm của MN, thì tất cả đều đồng ý. Khi đi QK lấy ra một số dao tự chế và dao tầm guồng đưa cho cả nhóm sử dụng, QK lấy 01 cây dao tầm guồng dài khoảng 0,8 mét cầm trên tay, C về nhà lấy 01 cây dao tầm guồng dài khoảng 0,8 mét cầm trên tay, KK lấy 01 cây kiếm Nhật dài khoảng 01 mét cầm trên tay, Thạch H lấy cầm theo 01 cây dao dài khoảng 0,8 mét, T lấy cầm theo 01 cây búa, N lấy cầm theo 01 cây dao tầm guồng, dài khoảng 01 mét, V lấy cầm theo 01 cây dao tầm guồng dài khoảng 01 mét, T và M mỗi người cũng lấy và cầm theo 01 cây dao dài khoảng 0,8 mét, 03 người còn lại mỗi người cũng lấy cầm theo dao và ống tuýp sắt có gắn đầu dao (dao phóng lợn) đi đến chỗ hẹn với nhóm của MN.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Khu dân cư 586, đường D, phường 3, thành phố T, nhóm của QK gặp MN và Th thì xảy ra cự cãi, chửi nhau. Lúc này có Trần MT và Boss (chưa rõ họ tên địa chỉ) đi ngang khuyên can giải hòa cho hai nhóm nhưng không được. Th móc trong người ra 01 chai thủy tinh chứa xăng (bom xăng) châm lửa đốt ném về phía nhóm của QK nhưng không trúng ai, thì C cầm dao tay phải chạy đến chém Th một dao nhưng Th quay lưng bỏ chạy nên chém không trúng, C đuổi theo chém tiếp một dao từ trên xuống trúng vào vùng hong của Th một dao. Th tiếp tục bỏ chạy thì T dùng cây búa đã mang theo ném về hướng Th nhưng không trúng, T nhặt lấy hai cục gạch ném về hướng của Th một cục, còn một cục T cầm đuổi theo để ném tiếp. Th chạy ra cổng 586 và vào quán cà phê Hoa Nắng, đường D, phường 3, Thành phố T để trốn, nhóm của QK tiếp tục đuổi theo để gây thương tích cho Th. Khi vào quán Cà phê Hoa Nắng thì Th vấp té vào hồ cá thì T và M mỗi người một bên hồ cầm dao chém Th, mỗi người chém hai dao vào người Th, T ném Th thêm một cục gạch, Nh dùng một cục gạch ống ném Th. C thấy đồng bọn đã gây thương tích được cho Th nên kêu tất cả ngừng gây thương tích cho Th, thì cả nhóm nghỉ đánh, chém và bỏ đi về. Khi cả nhóm QK ra khỏi quán cà phê Hoa Nắng, thì MN tiếp tục chửi nhóm của QK, nên M và C dùng nón bảo hiểm đang cầm trên tay đánh vào mặt của MN gây thương tích, rồi bỏ đi vào khu dân cư 586 để đi vào hẻm đường P về nhà. Lúc này thì lực lượng Công an phường 3, Thành phố T nhận được tin báo có sự việc đánh nhau nên đến Khu dân cư 586, thì nhóm của QK ném hung khí và bỏ trốn. Công an phường 3 bắt giữ được KK

và thu giữ được 05 cây dao, 01 cây kiếm Nhật và 02 thanh tuýp sắt dài có gắn lưỡi dao. Còn Th sau khi bị nhóm của QK gây thương tích một vết thương thành ngực sau trái dài khoảng 17 cm và một vết thương mặt sau cánh tay trái dài khoảng 6,5 cm, còn MN bị nhóm của QK đánh bằng nòng bảo hiểm súng nê vùng quanh mắt trái, một vết thương mi trên mắt trái khoảng 03cm, xuất huyết kết mạc mắt trái. Sau đó Th điều khiển xe mô tô chở MN vào Bệnh viện đa khoa tỉnh T cấp cứu và điều trị vết thương, Ngọc điều trị đến ngày 26/4/2021 thì xuất viện, còn Thoại điều trị đến ngày 29/4/2021 thì xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 181/TgT-PY ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh T, kết luận đối với Lê Huyền Th:

- Sẹo phần mềm xuôi thành ngực sau trái. Sẹo kích thước lớn.
- Sẹo ngang mặt sau đầu dưới cánh tay. Sẹo kích thước lớn. Tổn thương gây đứt cơ tam đầu cánh tay trái, còn ảnh hưởng chức năng khuỷu tay trái.

Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế hiện tại của Lê Huyền Th là 10% (Mười phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 182/TgT-PY ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh T, kết luận đối với Lê Thị MN:

- Sẹo phần mềm ngang mi trên mắt trái, kích thước sẹo trung bình. Sẹo lồi dùm.

Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế hiện tại của Lê Thị MN là 06% (Sáu phần trăm).

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2022/HS-ST ngày 02-3-2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn C, Lý KK, Huỳnh Ngọc T, Trần Trung N, Trần Quang V phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn C. Xử phạt bị cáo Lê Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án tự nguyện thi hành án hoặc bắt người bị kết án thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-7-2021 đến ngày 09-10-2021.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý KK. Xử phạt bị cáo Lý KK 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Ngọc T. Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Trung N. Xử phạt bị cáo Trần Trung N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Quang V. Xử phạt bị cáo Trần Quang V 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Đến ngày 15-3-2022 các bị hại Lê Huyền Th và Lê Thị MN kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 31/2022/HS-ST ngày 02-3-2022 của Tòa án nhân dân thành phố T. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội có tính chất côn đồ đối với các bị cáo theo điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và không áp dụng tình tiết thật thà khai báo tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo với lý do bị cáo không khai ra các đồng phạm đã cùng thực hiện tội phạm. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức hình phạt của các bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo với lý do hành vi của các bị cáo là dùng hung khí nguy hiểm có thể dẫn đến chết nhiều người; mang tính chất côn đồ; có tổ chức. Các bị cáo không thành khẩn khai báo do không khai ra hết đồng bọn, gồm 14 người cùng tham gia đánh các bị hại nhưng chỉ xử lý 06 người, còn lại 07 người nữa không xử lý; bị hại cũng đã cung cấp cho cơ quan điều tra file ghi âm cuộc nói chuyện giữa DN với các bị hại về việc thương lượng bồi thường và yêu cầu các bị hại bãi nại nhưng cơ quan điều tra cố tình không xem. Đồng thời, các bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử cho giám định lại tỷ lệ thương tích của các bị hại do trong quá trình các bị hại đã yêu cầu giám định lại nhưng cơ quan điều tra không chấp nhận; yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm thiệt hại về điện thoại bị hư không sửa được phải mua điện thoại mới với số tiền là 4.200.000 đồng; tiền nữ trang bị hư hỏng khi bị các bị cáo đánh do sửa không được nên phải đổi lại cái mới bị thiệt hại 13.430.000 đồng.

Bị cáo Lê Văn C trình bày: Bị cáo thống nhất với bản án sơ thẩm không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại.

Bị cáo Lý KK trình bày: Bị cáo không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại do bị cáo không biết vàng và điện thoại bị hư.

Bị cáo Huỳnh Ngọc T trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của bị hại về các tình tiết tăng nặng cũng như yêu cầu bồi thường.

Bị cáo Trần Trung N trình bày: Bị cáo không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của các bị hại.

Bị cáo Trần Quang V trình bày: Không đồng ý các yêu cầu của các bị hại.

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước trình bày quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với hóa đơn bán và mua vàng bị hại cung cấp tại tòa đề nghị Hội đồng xét xử xác minh làm rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các bị hại, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Thạch H là ông Thạch T và những người làm chứng Trần Minh T, Hồ Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Xét thấy, những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và tại phiên tòa các bị hại xác định đã chấm dứt hợp đồng yêu cầu Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo các bị hại được lập và nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 15-3-2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo được quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và xem xét giải quyết kháng cáo của các bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời thừa nhận của các bị cáo phù hợp với kết quả điều tra, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Do mâu thuẫn giữa Phạm QK về việc mẹ QK thiếu tiền của bị hại MN nên QK và bị hại MN hẹn gặp nhau để nói chuyện. Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 23-4-2021, tại Khu dân cư 586, đường D, phường 3, thành phố T, bị hại MN đi cùng chồng là Lê Huyền Th. Còn Phạm QK rủ và đi cùng với Lê Văn C, Lý KK, Huỳnh Ngọc T, Trần Trung N, Trần Quang V, Thạch H, T, M và 03 thanh niên khác (chưa rõ nhân thân và địa chỉ) chuẩn bị hung khí là dao tầm guồng, mã tấu, dao phông lợn, kiếm nhật, búa để đi đánh nhau. Khi đến nơi hai bên nói chuyện qua lại, cự cãi nhau thì bị hại Th dùng chai xăng bằng thủy tinh ném về phía Phạm QK nhưng không trúng ai thì C cầm dao chạy đến chém Th một dao nhưng Th quay lưng bỏ chạy nên không trúng, C đuổi theo chém tiếp một dao từ trên xuống trúng vào vùng hông của Th một dao; bị hại Th tiếp tục bỏ chạy thì bị cáo T dùng cây búa đã mang theo ném về hướng Th nhưng không trúng, T nhặt lấy hai cục gạch ném về hướng của Th một cục, còn một cục T cầm đuổi theo để ném tiếp. Th chạy ra cổng 586 và vào

quán cà phê Hoa Nắng, đường D, phường 3, Thành phố T để trốn, nhóm của QK tiếp tục đuổi theo để gây thương tích cho Th. Khi vào quán Cà phê Hoa Nắng thì Th bị vấp té vào hồ cá nên T và M mỗi người một bên hồ cầm dao chém Th, T ném Th thêm một cục gạch, N dùng một cục gạch ông ném Th. Ch thấy đồng bọn đã gây thương tích được cho Th nên kêu tất cả ngừng gây thương tích cho Th, thì cả nhóm nghỉ đánh, chém và bỏ đi. Khi cả nhóm QK ra khỏi quán cà phê Hoa Nắng, thì bị hại MN tiếp tục chửi nhóm của QK nên M và C dùng nón bảo hiểm đang cầm trên tay đánh vào mặt của MN gây thương tích. Qua kết quả giám định bị hại Th bị thương tích là 10%; bị hại MN bị thương tích là 06% nên hành vi phạm tội của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chính xác, phù hợp với pháp luật, không oan cho các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của các bị hại về việc yêu cầu tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và các bị cáo Lê Văn C, Huỳnh Ngọc T, Trần Trung N và Trần Quang V chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo; sự việc xảy ra có một phần lỗi của bị hại Th nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn C, Huỳnh Ngọc T, Trần Trung N, Trần Quang V. Đối với bị cáo Lý KK được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và bị hại có một phần lỗi theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Từ đó, xử phạt bị cáo Lê Văn C 01 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Lý KK 01 năm tù; xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T 09 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Trung N 09 tháng tù; xử phạt Trần Quang V 09 tháng tù là có căn cứ đúng quy định pháp luật, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3.1] Đối với kháng cáo của các bị hại về việc đề nghị không áp dụng cho các bị cáo tình tiết “thành khẩn khai báo” theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự vì đã không khai ra các đồng phạm cùng thực hiện tội phạm. Xét thấy, sau khi sự việc xảy ra, trong quá trình điều tra các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo đã thực hiện, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi của các bị cáo đã thực hiện nên cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo cho các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị hại về việc không áp dụng tình tiết này cho các bị cáo.

[3.2] Đối với kháng cáo của các bị hại về việc đề nghị áp dụng thêm tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” tại điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, giữa Phạm QK và bị hại Lê Thị MN đã có mâu thuẫn với nhau từ trước nên đã nhắn tin hẹn gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. Do đó, khi đi Phạm QK đã rủ đồng bọn cùng đi và phía bị hại MN cũng cùng chồng đến chỗ hẹn để giải quyết mâu

thuần. Khi đến nơi thì giữa hai bên xảy ra cự cãi và bị hại Th đã có hành vi tấn công các bị cáo trước bằng cách dùng chai xăng châm lửa đốt ném về phía các bị cáo nên các bị cáo đã tấn công bị hại, đồng thời bị hại MN cũng chửi mắng các bị cáo nên các bị cáo đánh bị hại. Do sự việc xảy ra phía bị cáo và bị hại đã có mâu thuẫn trước và bị hại cũng có lỗi nên Viện kiểm sát không truy tố và cấp sơ thẩm không xét xử các bị cáo về tình tiết định khung tại i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật pháp luật. Do tội “Cố ý gây thương tích” có tình tiết định khung “có tính chất côn đồ” tại điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự nên không thể áp dụng dung tình tiết tăng nặng “phạm tội có tính chất côn đồ” tại điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Từ cơ sở này cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị hại về việc áp dụng thêm điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[3.3] Đối với kháng cáo của các bị hại về đề nghị áp dụng tình tiết có tổ chức. Xét thấy, như đã phân tích trên thì hành vi của các bị cáo là bóc lột, chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau nên không có tổ chức. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của các bị hại.

[4] Đối với kháng cáo của các bị hại về trách nhiệm dân sự: Cấp sơ thẩm buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại Th tiền chi phí điều trị, tiền công lao động, tiền thu nhập bị mất và tổn thất tinh thần tổng cộng là 85.617.000 đồng. Bồi thường cho bị hại MN 15.363.000 đồng. Các bị hại kháng cáo cho rằng tiền bồi thường tổn thất tinh thần là quá thấp, không phù hợp với tổn thất tinh thần của các bị hại bị ảnh hưởng. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã buộc các bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bị hại Th 10 tháng lương là 14.900.000 đồng; bị hại MN 05 tháng lương là 7.450.000 đồng, các bị hại kháng cáo cho rằng bồi thường tiền tổn thất tinh thần là thấp nhưng không nêu ra mức cụ thể và đồng thời, theo quy định tại khoản 2 Điều 590 của Bộ luật Dân sự có quy định “*Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định*” trong vụ án này bị hại Th bị tổn hại sức khỏe 10%, bị hại MN là 06% và nguyên nhân xảy ra sự việc cũng có một phần lỗi của bị hại. Do giữa các bị hại và các bị cáo không thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường nên cấp sơ thẩm quyết định buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại Th 10 tháng lương và bị hại MN 05 tháng lương là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[4.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, về trách nhiệm dân sự các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm tiền mua điện thoại và thiệt hại về nữ trang bị hư hỏng. Đối với yêu cầu của bị hại về việc buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản do khi bị đánh làm điện thoại và nữ trang bị hư hỏng không thể sửa được nên phải mua điện thoại mới với giá 4.200.000 đồng, tiền thiệt hại nữ trang (vòng vàng) 13.430.000 đồng, tại phiên tòa các bị hại xuất trình cho Hội đồng xét xử hóa đơn mua, bán vàng nữ trang. Các bị cáo không đồng ý bồi thường các khoản tiền này theo yêu cầu của các bị hại vì các bị cáo không biết vàng và điện thoại của các bị

hại bị thiệt hại. Xét thấy, yêu cầu này của các bị hại chưa được cấp sơ thẩm xem xét, các yêu cầu nêu trong đơn kháng cáo của các bị hại cũng không trình bày vấn đề này, hóa đơn mua, bán vàng của các bị hại cũng chưa được xác minh làm rõ mức độ thiệt hại tài sản và tài sản có phải do các bị cáo gây thiệt hại hay không, cấp sơ thẩm cũng đã giành quyền khởi kiện cho các bị hại bằng một vụ án dân sự khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét yêu cầu này.

[5] Đối với yêu cầu của bị hại về việc bỏ lọt tội phạm vì có 14 người cùng thực hiện hành vi nhưng chỉ xử lý 06 người còn 07 người không xử lý trong khi các bị hại có cung cấp file ghi âm cuộc nói chuyện giữa DN và các bị hại thương lượng về việc bồi thường và yêu cầu các bị hại bãi nại nhưng không xử lý DN. Xét thấy, theo “biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử” bị hại nộp cho Hội đồng xét xử thể hiện bị hại nộp file ghi âm lúc 15 giờ 35 phút ngày 21-3-2022 tại Công an thành phố T, trong khi vụ án này đã kết luận điều tra ngày 10-11-2021 và vụ án đã được xét xử ngày 02-3-2022 nên cơ quan điều tra nhận file ghi âm của bị hại không xử lý trong vụ án này. Đồng thời, đối với những người cùng tham gia với các bị cáo trong đó có Thạch H nhưng do H chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự, còn những người khác đi cùng nhóm của C do Cơ quan điều tra chưa xác minh được nhân thân địa chỉ nên chưa xử lý và khi nào xác minh và làm việc được sẽ xử lý sau cũng là phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét kháng cáo của các bị hại.

[6] Đối với yêu cầu của bị hại về giám định lại tỷ lệ thương tích của các bị hại, quá trình điều tra các bị hại có yêu cầu giám định lại tỷ lệ thương tích nhưng Cơ quan điều tra không chấp nhận yêu cầu của bị hại, tại phiên tòa hôm nay bị hại tiếp tục yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích. Xét thấy, việc yêu cầu giám định lại của các bị hại là không có căn cứ theo quy định tại Điều 211 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị hại không được chấp nhận nên các bị hại phải chịu án phí theo điểm đ khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Lê Huyền Th và Lê Thị MN.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2022/HS-ST ngày 02-3-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Văn C.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 15-7-2021 đến ngày 09-10-2021.

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lý KK.

Xử phạt bị cáo Lý KK 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

4. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Ngọc T.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

5. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Trung N.

Xử phạt bị cáo Trần Trung N 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

6. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Quang V.

Xử phạt bị cáo Trần Quang V 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

7. Về phân trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584; Điều 585; Điều 586 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Văn C bồi thường cho bị hại Lê Huyền Thoại là 34.246.800 đồng, bị hại Lê Thị MN là 6.144.000 đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Ngọc T bồi thường cho bị hại Lê Huyền Th là 25.685.100 đồng, bị hại Lê Thị MN là 4.608.000 đồng.

Buộc các bị cáo Lý KK, Trần Trung N, Trần Quang V mỗi người bồi thường cho bị hại Lê Huyền Th là 8.561.700 đồng và bị hại Lê Thị MN là 1.536.000 đồng.

8. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị hại Lê Huyền Th phải chịu 200.000 đồng và bị hại Lê Thị MN phải chịu 200.000 đồng.

9. Các phần quyết định khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- CQĐT - Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- PKTNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp; Lưu HS, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Tôn Thị Thanh Thúy